TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Vị Thủy (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/10	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Vị Thủy (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.39	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.30	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.45< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.36	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Vị Thủy (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/11	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Vị Thủy (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.89	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.24	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.25	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Vị Thủy (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/12	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Vị Thủy (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.55	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.25	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	8.16< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.21	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Nhơn Nghĩa A (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111913109/16	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Nhơn Nghĩa A (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.90	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.30	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.29	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Nhơn Nghĩa A (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111913109/17	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Nhơn Nghĩa A (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.52	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.24	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	3.45< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.75	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Nhơn Nghĩa A (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/18	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Nhơn Nghĩa A (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.62	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.21	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.49	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Thạnh Xuân (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/1	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Thạnh Xuân (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.56	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.33	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.05	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO
M.S.D.N: 1801187123-C.T.T.N.H.H
Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Thạnh Xuân (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/2	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Thạnh Xuân (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.69	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.24	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.45< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.25	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC1119 13109/2	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Thạnh Xuân (nước ngầm)	E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Thạnh Xuân (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/3	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Thạnh Xuân (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.99	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.40	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	4.71< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.71	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative ***Phụ trách kỹ thuật***	**On behalf of NHO** ***Đại diện NHO***
Phạm Thị Hồng Trang	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Long Thạnh (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111911055/16	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Long Thạnh (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.41	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.35	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.77< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.65	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC1119 11055/ 16	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Long Thạnh (nước ngầm)	E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO
M.S.D.N: 1801287... Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Long Thạnh (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111911055/17	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Long Thạnh (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.88	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.28	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.53	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative ***Phụ trách kỹ thuật***	**On behalf of NHO** ***Đại diện NHO***
Phạm Thị Hồng Trang	Hoàng Bá Nghị

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Long Thạnh (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111911055/18	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Long Thạnh (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.68	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.27	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.75	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative *Phụ trách kỹ thuật*	**On behalf of NHO** *Đại diện NHO*
Phạm Thị Hồng Trang	Hoàng Bá Nghị

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111911055/7	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.56	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.40	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.18	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO
M.S.D.N: 1601287024 - C.T.T.N.H.H
Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/8	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.62	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.31	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.14< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.67	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC1119 11055/8	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)	E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO
M.S.D.N: 1601287029 C.T.T.N.H.H
Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/9	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.51	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.35	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.02< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.65	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC1119 11055/9	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đông Thạnh (nước ngầm)	E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Long Bình (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/28	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Long Bình (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.69	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.32	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.23	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Long Bình (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/29	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Long Bình (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.72	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.31	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	6.59< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.54	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Long Bình (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/30	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Long Bình (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.39	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.21	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.34< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.26	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Hòa An (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/25	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Hòa An (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.68	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.38	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	6.59< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.62	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Hòa An (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/26	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Hòa An (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.62	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.21	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.34< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.61	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú:*

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Hòa An (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/27	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Hòa An (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.56	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.41	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	4.71< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.95	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Nàng Mau (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/22	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Nàng Mau (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.64	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.24	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.14< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.34	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Nàng Mau (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/23	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Nàng Mau (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.58	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.21	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.02< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.93	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Nàng Mau (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/24	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Nàng Mau (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.48	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.25	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.65< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.78	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phương Phú (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/19	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phương Phú (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.89	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.39	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	4.71< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.63	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative	**On behalf of NHO**
Phụ trách kỹ thuật	***Đại diện NHO***
Phạm Thị Hồng Trang	Hoàng Bá Nghị

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phương Phú (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/20	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phương Phú (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	1.04	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.41	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.77< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.94	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phương Phú (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/21	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phương Phú (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.77	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.32	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	6.91< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.45	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 /2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Trà Lồng (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/16	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Trà Lồng (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.67	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.23	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	4.08< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.53	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Trà Lồng (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/17	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Trà Lồng (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	1.01	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.36	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.02< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.66	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Trà Lồng (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/BYT**
YC111912037/18	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Trà Lồng (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.46	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.29	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.75	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Vị Thanh 2 (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/13	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Vị Thanh 2 (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.49	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.23	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	7.22< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.72	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Vị Thanh 2 (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/14	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Vị Thanh 2 (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.82	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.41	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.75	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Vị Thanh 2 (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/15	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Vị Thanh 2 (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.96	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.40	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.45< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.54	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phương Bình (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/7	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phương Bình (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.72	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.39	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.91	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phương Bình (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/8	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phương Bình (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.43	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.35	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	4.08< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.68	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phương Bình (nước mặt)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/9	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phương Bình (nước mặt)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	1.03	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.36	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	6.91< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.03	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Vị Thắng (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/4	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Vị Thắng (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.75	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.41	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.77< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.73	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative ***Phụ trách kỹ thuật***	**On behalf of NHO** ***Đại diện NHO***
Phạm Thị Hồng Trang	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Vị Thắng (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC1119 12037/5	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Vị Thắng (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.63	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.37	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	6.28< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.63	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Vị Thắng (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/6	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Vị Thắng (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.48	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.43	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.97< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.26	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Hỏa Tiến (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/1	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Hỏa Tiến (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.86	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.24	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	7.22< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.17	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Hỏa Tiến (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/2	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Hỏa Tiến (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.41	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.35	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.45< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.14	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Hỏa Tiến (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/BYT
YC111912037/3	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Hỏa Tiến (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.61	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.23	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	4.71< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.49	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111912037**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Long Mỹ (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111913109/13	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Long Mỹ (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.59	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.29	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	4.71< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.89	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Long Mỹ (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111913109/14	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Long Mỹ (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.63	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.23	0.2-1.0
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	4.71< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.76	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/14	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Long Mỹ (nước ngầm)	E.Coli[1]	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. [*] Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. [1] Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. [2] Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. [3] Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. [4] Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. [5] Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Long Mỹ (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/15	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Long Mỹ (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.85	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.29	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	3.45< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.93	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Thuận Hưng (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC1119 13109/ 10	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Thuận Hưng (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.42	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.21	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.34< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.14	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/10	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Thuận Hưng (nước ngầm)	E.Coli[1]	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. [*] Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. [1] Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. [2] Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. [3] Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. [4] Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. [5] Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Thuận Hưng (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111913109/11	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Thuận Hưng (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.73	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.25	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.19	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Thuận Hưng (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/12	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Thuận Hưng (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.52	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.32	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.82	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Vĩnh Viễn (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018 /BYT
YC111913109/7	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Vĩnh Viễn (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.66	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.28	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	3.77< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.32	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Vĩnh Viễn (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/8	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Vĩnh Viễn (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.72	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.35	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	5.34< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.88	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Vĩnh Viễn (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC1119 13109/9	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Vĩnh Viễn (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.65	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.31	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	3.77< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	-	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.94	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	-	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Tân Phước Hưng (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/4	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Tân Phước Hưng (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.63	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.34	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.92	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Tân Phước Hưng (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/5	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Tân Phước Hưng (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.53	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.29	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	5.02< LOQ(10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.22	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Tân Phước Hưng (nước ngầm)

(*Thông tin được khách hàng cung cấp*)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong cal nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 12/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 13/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111913109/6	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Tân Phước Hưng (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.56	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.23	0.2-1.0
		Màu Sắc(1)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.0	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.68	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Định lượng Coliform(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111913109**	Report date/ *Ngày*: **19/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phụng Hiệp (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111911055/13	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phụng Hiệp (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.65	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.34	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.35	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

M.S.D.N: 1801287028 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO Q. CÁI RĂNG - TP. CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phụng Hiệp (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/14	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phụng Hiệp (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.78	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.41	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.51	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phụng Hiệp (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/15	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phụng Hiệp (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.71	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.39	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.77< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.61	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/15	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phụng Hiệp (nước ngầm)	E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO
M.S.D.N: 1601287028 - C.T.T.N.H.H - Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/10	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.68	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.43	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.02< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.75	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/ 10	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)	E.Coli[1]	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. [*] Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. [1] Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. [2] Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. [3] Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. [4] Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. [5] Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC1119 11055/ 11	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.91	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.47	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.14< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.40	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/11	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)	E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO
M.S.D.N: 1801287028 - C.T.T.N.H.H
Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC1119 11055/ 12	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.32	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.37	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.77< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.37	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/12	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Đông Phước A (nước ngầm)	E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

M.S.D.N: 1801287028 - C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO Q. CÁI RĂNG - TP. CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phú Hữu (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC1119 11055/4	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phú Hữu (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.85	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.36	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.14< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.41	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC1119 11055/4	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phú Hữu (nước ngầm)	E.Coli[1]	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. [*] Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. [1] Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. [2] Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. [3] Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. [4] Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. [5] Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phú Hữu (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/5	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phú Hữu (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.91	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.34	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.98	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative ***Phụ trách kỹ thuật***	**On behalf of NHO** ***Đại diện NHO***
Phạm Thị Hồng Trang	Hoàng Bá Nghị

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phú Hữu (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111911055/6	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phú Hữu (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.94	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.43	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.44	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative *Phụ trách kỹ thuật*	On behalf of NHO *Đại diện NHO*
Phạm Thị Hồng Trang	Hoàng Bá Nghị

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO
M.S.D.N: 1801287028 C.T.T.N.H.H
Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phú Tân (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/1	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phú Tân (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.63	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.37	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	3.77< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	6.90	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC1119 11055/1	Nước thành phẩm (tại bể chứa)-Trạm cấp nước Phú Tân (nước ngầm)	E.Coli[1]	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. [*] Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. [1] Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. [2] Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. [3] Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. [4] Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. [5] Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

M.S.D.N: 1801287028 C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO Q.CÁI RĂNG - TP.CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phú Tân (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No (*Số niêm*) : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	Name/ *Tên mẫu*	Test Parameter/ *Chỉ tiêu phân tích*	Test Method/ *Phương pháp*	Unit/ *Đơn vị*	LOD	Result/ *Kết quả*	QCVN 01-1:2018/ BYT
YC111911055/2	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phú Tân (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	0.84	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.38	0.2-1
		Màu Sắc(5)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	5.02< LOQ (10)	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.53	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/2	Nước thành phẩm (tại hộ dân)-Trạm cấp nước Phú Tân (nước ngầm)	E.Coli[1]	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

Note / *Ghi chú*:

1. [*] Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. [1] Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. [2] Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. [3] Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. [4] Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. [5] Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHONHO
M.S.D.N: 1801287028 C.T.T.N.H.H
Q. CÁI RĂNG - TP. CẦN THƠ

Hoàng Bá Nghị

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 1 / 2

Applicant/ ref. (*Khách hàng/ số yêu cầu*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG

Address (*Địa chỉ*) : Ấp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thuỷ, Tỉnh Hậu Giang

Information provided by applicant (*Thông tin được khách hàng cung cấp*) : Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phú Tân (nước ngầm)

Sample description (*Mô tả mẫu*) : Mẫu được chứa trong can nhựa

Seal No *(Số niêm)* : Không niêm

Source of sample (*Nguồn mẫu*) : Công ty TNHH Công Nghệ NHONHO lấy mẫu

Sample received on (*Ngày nhận mẫu*) : 11/07/2022

Sample tested on (*Ngày phân tích*) : 12/07/2022

Code/ *Mã mẫu*	**Name/** *Tên mẫu*	**Test Parameter/** *Chỉ tiêu phân tích*	**Test Method/** *Phương pháp*	**Unit/** *Đơn vị*	**LOD**	**Result/** *Kết quả*	**QCVN 01-1:2018/ BYT**
YC111911055/3	Nước thành phẩm (cuối tuyến)-Trạm cấp nước Phú Tân (nước ngầm)	Độ đục(1)	SMEWW 2130 B : 2017	NTU	0.06	1.05	2
		Clo dư (Cl2)(1)	SMEWW 4500 Cl.G : 2017	mg/L	0.03	0.37	0.2-1
		Màu Sắc(S)	SMEWW 2120-C : 2017	Pt-Co	3.00	ND	15
		Mùi	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không mùi	Không mùi lạ
		pH(1)	SMEWW 4500-H+ : 2017	/	/	7.93	6-8.5
		Vị	MKL-HH 34 Ref. TCVN 2653:1978	/	/	Không vị	Không vị lạ
		Asen (As)(1)	SMEWW 3030E, 3114B:2017	mg/L	0.002	ND	0.01
		Coliform	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<3
		E.Coli(1)	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014 Amd.1:2016)	CFU/ 100ml	1 CFU/ 100ml	0	<1

TESTING REPORT/ *BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH*

JOB No./ *Số phiếu yêu cầu phân tích*: **YC111911055**	Report date/ *Ngày*: **16/07/2022**
Doc. code/ *Mã số tài liệu*: MKL-TT04-BM01 LBH.05	Page/ *Trang*: 2 / 2

Note / *Ghi chú*:

1. (*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by MekongLAB / *Chỉ tiêu gởi nhà thầu phụ và được giám sát bởi MekongLAB.*
2. (1) Parameter is accredited ISO17025 / *Chỉ tiêu được công nhận ISO17025*
3. (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*
4. (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương*
5. (4) Parameter is designated by Ministry of Health / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế*
6. (5) Parameter is designated by Ministry of Natural Resources and Enviroment / *Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường*
7. ND: Not detected/ *Không phát hiện* D: Detected/ *Phát hiện* <1;<3;<10: Not detected/g sample/ *Không phát hiện/g mẫu*
   LOD: limit of detection/ *Giới hạn phát hiện* LOQ: Limit of Quantitation/ *Giới hạn định lượng*
8. This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NHO Terms and Conditions./ *Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NHO*
9. The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NHO is granted/ *Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NHO*

Authorized Technical Representative
Phụ trách kỹ thuật

Phạm Thị Hồng Trang

On behalf of NHO
Đại diện NHO

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ NHƯ NHO

Hoàng Bá Nghị